

Bản án số: 89/2022/KDTM-ST
Ngày: 24 – 10 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 10 năm 2022 và ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần A; Trụ sở chính: Đường A, Quận B, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1991; Địa chỉ nơi làm việc: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền số: 841/2022/UQ-PGD ngày 13 tháng 01 năm 2022)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại đồ chơi B. Trụ sở: Đường F, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông M và ông Q có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại đồ chơi B (gọi tắt là Công ty) vay vốn của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A (gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0056/HDHM ngày 02/4/2018, phụ lục Hợp đồng số 01 này 02/4/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/19/0097/HDHM ngày 03/7/2019 với nội dung sau:

- Khế ước nhận nợ lần 06/Số: MBD/H11/18/0056/HDHM-06 ngày 03/12/2018 có số tiền vay là 124.639.075 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 03/12/2018; Ngày đến hạn 03/12/2019; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 21.9%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 03/01/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 07/Số: MBD/H11/18/0056/HDHM-07 ngày 11/01/2019; Số tiền vay là 170.540.124 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 11/01/2019; Ngày đến hạn 11/01/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.9%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 11/02/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 08/Số: MBD/H11/18/0056/HDHM-08 ngày 18/02/2019; Số tiền vay là 180.000.187 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 18/02/2019; Ngày đến hạn 18/02/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 21.9%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 18/3/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 09/Số: MBD/H11/18/0056/HDHM-09 ngày 27/02/2019; Số tiền vay là 160.076.400 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 27/02/2019; Ngày đến hạn 27/02/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 21.9%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 27/3/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 10/Số: MBD/H11/18/0056/HDHM-10 ngày 29/3/2019; Số tiền vay là 178.364.567 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 29/3/2019; Ngày đến hạn 29/3/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.9%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 29/4/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 01/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-01 ngày 03/7/2019; Số tiền vay là 118.900.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 03/7/2019; Ngày đến hạn 03/01/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.1%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 03/8/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 02/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-02 ngày 09/8/2019; Số tiền vay là 101.363.915 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 09/8/2019; Ngày đến hạn 09/02/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.5%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 09/9/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 03/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-03 ngày 13/9/2019; Số tiền vay là 90.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 13/9/2019; Ngày đến hạn 13/3/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.6%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 13/10/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 04/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-04 ngày 01/10/2019; Số tiền vay là 54.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 01/10/2019; Ngày đến hạn 01/4/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.6%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 01/11/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 05/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-05 ngày 15/10/2019; Số tiền vay là 22.257.066 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 15/10/2019; Ngày đến hạn 15/4/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.6%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 15/11/2019;

- Khế ước nhận nợ lần 06/Số: MBD/H11/19/0097/HDHM-06 ngày 06/11/2019; Số tiền vay là 72.001.600 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 06/11/2019; Ngày đến hạn 06/5/2020; Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay là 22.6%/năm cố định 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 06/12/2019.

Để đảm bảo khoản vay, các bên thỏa thuận áp dụng biện pháp đảm bảo sau:

- Công ty thế chấp toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty để tại kho hàng: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: MBD/H11/19/0097/HDTC-HTK ngày 28/6/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1332292549 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/6/2019;

- Công ty thế chấp toàn bộ các quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động

kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã, đang, sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: MBD/H11/19/0097/HDTC-QDN ngày 28/6/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1332527659 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/7/2019.

- Ông Q bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản các nhân của ông theo Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/19/0097/HDBL ngày 03/7/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Công ty có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/10/2022 là 1.431.691.008 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật (trong đó nợ gốc quá hạn là 677.864.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 753.826.649 đồng).

Kể từ ngày 25/10/2022, Công ty tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi Công ty thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

2. Trường hợp Công ty không thanh toán được nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty để tại kho hàng: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã, đang, sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty.

- Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Hồng Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 250/2022/QĐ-CCTLCC ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ chứng minh toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty để tại kho hàng: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ toàn bộ hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2022 như sau:

Mái nhựa PE, số lượng 06 cái; Bộ khung liên hoàn bằng sắt, số lượng 02 bộ; Bập bênh đòn 04 chỗ, số lượng 01 bộ; Bập bênh đòn 02 chỗ, số lượng 01 bộ; Bập bênh long thuyền, số lượng 02 bộ; Ống chui nhựa composite, số lượng 01 cái; Mái che nhựa composite, số lượng 02 cái; Bông hoa trang trí màu vàng, số lượng 03 cái;

Con chim trang trí màu xanh, chất liệu bằng nhựa, số lượng 05 cái; Các con vật gà, vịt, ngựa, cá, hưu cao cổ bằng nhựa để gắn trang trí, số lượng 37 con; Ghế bằng nhựa không có chân, không sử dụng được do bị hư, số lượng 07 cái; Mái che dù đã hư, số lượng 01 cái; Dĩa màu vàng để làm đu quay, số lượng 01 cái; Sàn cầu trượt đã hư – số lượng 02 cái, mâm quay màu đỏ bằng nhựa, số lượng 01 cái.

Ngân hàng và ông Q thống nhất giữ nguyên các hàng tồn kho nêu trên để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty.

Đồng thời, Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty B phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty cho đến ngày xét xử là do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ cung cấp cho Ngân hàng báo cáo chi tiết khoản phải thu vào các thời điểm theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp.

2. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hồng Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng về nội dung của các Hợp đồng cho vay hạn mức, Hợp đồng thế chấp tài sản và khế ước nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 677.864.359 đồng và Công ty không trả được nợ lãi do Công ty gặp khó khăn trong kinh doanh và một phần bị ảnh hưởng của dịch covid. Hiện nay, Công ty không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty đã cung cấp cho Ngân hàng các chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty và quyền đòi nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp. Từ khi Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến nay, Ngân hàng chuyển hồ sơ vay của Công ty về Hội sở của Ngân hàng nên Công ty không cung cấp chứng từ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Q đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về nợ gốc và nợ lãi. Cụ thể, Công ty đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 19/10/2022 là 1.431.691.008 đồng.

Ông Q xác định Công ty B không có bất kỳ quyền đòi nợ nào phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty cho đến ngày xét xử vì vậy quyền đòi nợ đã, đang hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán là không có. Do ông và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp toàn bộ các quyền đòi nợ đã, đang, sẽ

hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã, đang, sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty nên ông thống nhất xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ông đồng ý phát mãi toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp đã ký và ông tự nguyện giữ nguyên các hàng tồn kho đặt tại kho hàng của Công ty tại Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2022 cho đến khi ông chấm dứt hợp đồng thuê kho hàng và Ngân hàng có trách nhiệm quản lý hàng tồn kho này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết hoặc Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của Công ty không đủ để thanh toán nợ, ông có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng bằng toàn bộ tài sản của cá nhân mình theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn đồng thời là người có quyền lợi thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Công ty có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Về nợ gốc và nợ lãi:

Xét, Ngân hàng yêu cầu Công ty trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 24/10/2022 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0056/HDHM ngày 02/4/2018, phụ lục Hợp đồng số 01 này 02/4/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/19/0097/HDHM ngày 03/7/2019 là 1.431.691.008 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 677.864.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 753.826.649 đồng) là có cơ sở và được ông Q thống nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu Công ty tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 25/10/2022 cho đến khi Công ty thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Công ty trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về xử lý tài sản thế chấp:

Xét, Ngân hàng và Công ty có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: MBD/H11/19/0097/HDTC-HTK ngày 28/6/2019 và có chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1332292549 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/6/2019. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phát mãi toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty để tại kho hàng: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng và ông Q thống nhất giữ nguyên các mặt hàng tồn kho để trong kho hàng Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2022 cho đến khi ông Q chấm dứt hợp đồng thuê kho hàng và giao cho Ngân hàng quản lý hàng tồn kho này để đảm bảo thi hành án là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu phát mãi toàn bộ các quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã, đang, sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 1, các điểm b, c, d khoản 2 Điều 4 của MBD/H11/19/0097/HDTC-QDN ngày 28/6/2019, Công ty có nghĩa vụ cung cấp cho Ngân hàng báo cáo chi tiết các khoản phải thu vào các thời điểm và tại điểm f

Điều 3 của MBD/H11/19/0097/HDTC-QDN ngày 28/6/2019, Ngân hàng có quyền yêu cầu Công ty cung cấp thông tin về tiến độ thực hiện Hợp đồng đầu ra, tiến độ thanh toán, thực trạng, diễn biến của khoản nợ là tài sản thế chấp và (hoặc) xem xét, kiểm tra trực tiếp tại bên có nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành của Công ty với bên mua hoặc bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty là do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên thế chấp và Ngân hàng không thực hiện tốt quyền nhắc nhở, yêu cầu cung cấp thông tin, xem xét, kiểm tra của bên nhận thế chấp. Bên cạnh đó, ông Q xác định Công ty không có bất kỳ quyền đòi nợ nào với bên mua hoặc bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty cho đến ngày xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đã, đang hình thành thuộc sở hữu của Công ty trong vụ án này một cách cụ thể, không đưa được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyền đòi nợ tham gia tố tụng.

Xét, Ngân hàng và Công ty có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: MBD/H11/19/0097/HDTC-QDN ngày 28/6/2019 và có chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1332527659 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/7/2019 và công ty vẫn đang hoạt động. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty.

2.3 Về nghĩa vụ của người bảo lãnh:

Ông Q và Ngân hàng có ký hợp bảo lãnh số MBD/H11/19/0097/HĐBL ngày 03/7/2019. Ông Q đồng ý chịu trách nhiệm bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân đối với các khoản nợ tín dụng mà Công ty đã ký kết với Ngân hàng.

Xét, hợp đồng bảo lãnh giữa ông Q và Ngân hàng có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 335, 336, 339 và 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, hợp đồng bảo lãnh không thể hiện cụ thể là tài sản gì và cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên bảo lãnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 147, 157, 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các điều 335, 336, 339, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại đồ chơi B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 24/10/2022 là 1.431.691.008 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 677.864.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 753.826.649 đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/10/2022, Công ty tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0056/HDHM ngày 02/4/2018, phụ lục Hợp đồng số 01 này 02/4/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/19/0097/HDHM ngày 03/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo gồm:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty để tại kho hàng: Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã, đang, sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ tất cả các hợp đồng, văn bản, tài liệu liên quan đến việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Công ty đã, đang, sẽ được ký giữa Công ty và bên mua, bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và Công ty về việc Công ty giữ nguyên các hàng tồn kho đặt tại kho hàng của Công ty tại Đường M, xã N, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2022 và Ngân hàng có trách nhiệm quản lý các hàng tồn kho này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trường hợp, Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc sau khi xử lý tài sản thế chấp mà Công ty vẫn không trả đủ nợ thì ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh số Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/19/0097/HDBL ngày 03/7/2019 đã ký giữa các bên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 21.815.996 (Hai mươi một triệu tám trăm mười lăm ngàn chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0047265 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại đồ chơi B phải nộp tiền án phí là 54.950.730 (Năm mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn bảy trăm ba mươi) đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

\

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

